

HOA NÔNG NỮ CHỒ

Bữa ăn :Ăn Chính
Nữ tuổi :Mau giao
Tổng số trẻ :303

Sang : Phở bò cà rốt nam gia rau húng hánh
tay.
Sữa grow
Trởa : Cơm thốt heo kho tiêu. Canh rong biển
gia nấu hủ tôm kho thốt heo nạc ngó rí
Món luộc: bông cải xanh, trứng
Trang miêng: Thanh long nỏ
Xe: sữa grow
Xe chiều: Bún thốt cua tỏi nam mỗp su su
gia

Số Tiền Trên Mỗi Trẻ 36988				
STT	Tên thức phẩm	Khối lượng(g)	Nhân gia(đ/100g)	Thành tiền(đ)
	*CHỒ			
1	Ram (muoi)	1,000	1,060	10,600
2	Tom kho	200	78,100	156,200
3	Súp lơ xanh*	2,000	7,880	157,600
4	Cua ghe	500	92,400	462,000
5	Nộm măm Cạ (loại 1)	3,000	6,160	184,800
6	Dầu thảo mộc	3,000	6,280	188,400
7	Nộm cật	3,000	3,880	116,400
8	Dầu mè	1,000	3,870	38,700
9	Hạt tiêu	100	31,900	31,900
10	Xì dầu	1,000	990	9,900
11	Gạo tẻ máy	15,000	2,630	394,500
12	Nấu phụ (nấu hủ)	3,000	3,300	99,000
13	Hạnh lả	1,500	5,460	81,900
14	Hạnh củ tỏi	1,000	6,300	63,000
15	Cà rốt	5,000	5,780	289,000
16	Gia nấu xanh	3,500	2,730	95,550
17	Rau ngó (Rau mùi)	100	8,930	8,930
18	Mỗp	2,500	4,200	105,000
19	Su su	1,000	3,470	34,700
20	Rau húng	100	11,030	11,030
21	Nam rôm	1,000	14,180	141,800
22	Hạnh tây	500	3,680	18,400
23	Súp lơ	2,000	8,610	172,200
24	Rau sam	2,000	17,050	341,000
25	Bánh phở	16,000	1,820	291,200
26	Bún	18,000	1,710	307,800
27	Thốt lòn nạc	15,000	18,480	2,772,000
28	Thốt bộ loại 1	3,000	37,800	1,134,000
29	Quả thanh long	20,000	5,150	1,030,000
Cong				8,747,510
	*XUẤT KHO			
30	Sữa bột Abbot Grow	12,000	20,500	2,460,000
Cong				2,460,000
Tổng tiền thức phẩm				11,207,510 đ
Chi phí khác				0(đ)
Tiền nỏch chỉ trong ngày				11211000(đ)
Số đả nấu ngày				0(đ)
Số đả cuối ngày				3490(đ)
Xuất ăn luy ke tổ nấu tháng				
Tiêu chuẩn luy ke tổ nấu tháng				
Tiền chỉ luy ke tổ nấu tháng				